

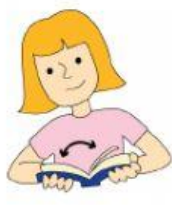


## CONSOLIDATION 1

### ● Vocabulary



come in



open your book



close your book



stand up



sit down



put your hand up

### ● Structures (Review Units 1 -2)

### I. Read and choose. (Chọn tranh đúng)

1.



Put your hand up.

2.



Come in.

3.



Close your book.

4.



Stand up.

### II. Odd one out. (Chọn từ không giống các từ còn lại)

1. orange

orange

orange

red

2. ruler

ruler

rubber

ruler

3. chair

board

chair

chair

4. train

kite

kite

kite

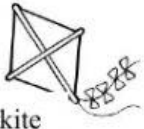



5. goat

fish

fish





fish

### III. Read and match. (Nối câu hỏi với câu trả lời)

1. Is this your **kite**?  • It is **black**.
2. What colour is it?  • Yes, it is.
3. What's this?  • No, it isn't. It's a **crayon**.
4. Is it a **pencil case**?  • It's a **pen**.

### IV. Choose the correct letters. (Chọn chữ cái đúng đặt vào chỗ trống)

c - e - s - h

1.  po\_\_ter
2.  \_\_arrot
3.  \_\_orse
4.  gam\_\_

### V. Look, choose "He" or "She". (Nhìn tranh và chọn "He" hoặc "She")

